TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẬP THẠCH** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2020/HS-ST
Ngày 22 - 9 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH, TỈNH VĨNH PHÚC

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung thành

Ông Nguyễn Văn Sâm

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Hoàng Quốc Khánh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà***: Ông Nguyễn Văn Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 53/2020/TLST-HS ngày 04 tháng 9 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2020/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo:

Hà Văn T, sinh ngày 26/4/1976 tại tỉnh V; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã L, huyện L, tỉnh V; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): Lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn Đ (đã chết) và bà Nguyễn Thị T; có vợ là Vương Thị H và 04 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án số 17/2014/HSST ngày 22/4/2014, bị Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 17 tháng về tội "Buôn lậu", đã chấp hành xong thời gian thử thách của án treo ngày 22/9/2015, đã nộp áp phí hình sự ngày 30/6/2014 và ngày 20/02/2019, bị Công an huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc, mức phạt 1.500.000đ, đã nộp phạt ngày 21/02/2019; bị bắt tạm giam từ ngày 09/3/2020 đến nay; (có mặt).

- *Người bị hại:* Chị Trần Thị Q, sinh năm 1981; nơi cư trú: Thôn M, xã Q, huyện L, tỉnh V (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Anh Đào Văn H, sinh năm 1979; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn M, xã Q, huyện L, tỉnh V; hiện đang chấp hành án phạt tù tại: Trại giam Vĩnh Quang, Bộ Công an (địa chỉ: Xã

Đạo Trù, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc) (vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Bà Đào Thị T1, sinh năm 1961 (có mặt);

2. Ông Trần Văn T2, sinh năm 1957 (có mặt);

3. Anh Đào Văn N, sinh năm 1985 (có mặt);

Đều cư trú tại: Thôn M, xã Q, huyện L, tỉnh V;

4. Anh Đào Văn C, sinh năm 1974; nơi cư trú: Bản K, thị trấn L, huyện H, tỉnh Q(vắng mặt);

5. Anh Trần Văn H1, sinh năm 1972; nơi cư trú: Thôn Đ, xã S, huyện S, tỉnh T (vắng mặt);

6. Anh Đàm Quang T3 (tên gọi khác: Tr), sinh năm 1977; nơi cư trú: Thôn K, xã Q, huyện L, tỉnh V (có mặt);

7. Ông Trần Văn C1, sinh năm 1968 (có mặt);

8. Chị Trần Thị G, sinh năm 1977 (có mặt);

9. Anh Nguyễn Văn C2, sinh năm 1996 (vắng mặt)

10. Cụ Trần Thị D, sinh năm 1938 (có mặt);

Đều cư trú tại: Thôn Thôn M, xã Q, huyện L, tỉnh V;

11. Anh Nguyễn Mạnh H2, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn C, xã S huyện S, tỉnh T (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 12/10/2018, anh Đào Văn H thực hiện hành vi Buôn bán hàng cấm bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn khởi tố, bắt tạm giam. Sau khi anh H bị bắt, thông qua mối quan hệ quen biết với anh Đặng Đình Th, ở thôn Đ, xã S, huyện S, tỉnh T, bà Đào Thị T1 (là chị gái ruột của anh H) và chị Trần Thị Q (là vợ của anh H) xin số điện thoại và liên hệ với Hà Văn T để nhờ xin án treo cho anh H.

Ngày 14/10/2018, T và Th đến nhà bà T1 gặp chị Q. Tại đây, bà T1 và chị Q đặt vấn đề nhờ T xin án treo cho anh H. Lúc này, T nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của gia đình chị Q nên mặc dù bản thân không có khả năng chạy được án treo cho anh H nhưng T vẫn nhận lời và hứa hẹn sẽ chạy được án treo cho anh H. Đến ngày 22/10/2018, T nói chuyện với gia đình chị Q, yêu cầu gia đình chị Q đưa cho T 400.000.000đ để chạy án treo cho anh H và phải đưa trước cho T 200.000.000đ, chị Q đồng ý. Ngày 28/10/2018, tại nhà bà T1, chị Q đưa cho T 200.000.000đ.

Một thời gian sau, do nghi ngờ về khả năng xin án treo của T nên gia đình chị Q yêu cầu T phải đưa gia đình chị Q đi gặp người T nhờ chạy án treo cho anh H. Ngày 08/12/2018, T đưa anh Đào Văn C (là anh trai H) và anh Trần Văn H1 (là anh rể H) đến gặp chị Chu Thanh A, ở thị trấn N, huyện V, tỉnh L (chị A là Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện V). Tại đây, chị A khẳng định trường hợp của anh H không thể xử án treo. Sau đó, anh C ra về nói lại nội dung trên với T nhưng T vẫn đưa ra thông tin khẳng định với anh C và gia đình chị Q là bản thân vẫn có thể xin được án treo cho anh H, tin tưởng T nên gia đình chị Q vẫn đồng ý nhờ T xin án treo cho anh H. Do vậy, từ ngày 09/12/2018 đến ngày 28/12/2018, chị Q tiếp tục 03 lần giao tiền cho T nhờ xin án treo cho anh H, cụ thể:

- Ngày 09/12/2018, tại nhà bà T1, chị Q đưa cho T 40.000.000đ.

- Ngày 27/12/2018, tại nhà bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1936 (là mẹ đẻ anh H) ở thôn M, xã Q, huyện L, chị Q đưa cho T 10.000.000đ.

- Ngày 28/12/2018, T cùng một người nam giới là lái xe taxi chở T đến nhà bà G. Tại đây, chị Q đưa cho T 150.000.000đ.

Sau khi nhận số tiền 400.000.000đ của gia đình chị Q, T sử dụng vào mục đích trả nợ và tiêu xài cá nhân hết, không có tác động gì trong việc xin án treo cho anh H. Ngày 10/4/2019, anh Đào Văn H bị Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 9 năm tù về tội "Buôn bán hàng cấm".

Quá trình điều tra, T khai nhận trong số tiền 400.000.000đ chiếm đoạt của gia đình chị Q, T dùng để trả nợ cho anh Nguyễn Đức R, là cán bộ Công an huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn số tiền 30.000.000đ. Quá trình điều tra làm rõ có việc T vay tiền anh R từ trước. Khi trả anh R, T không nói và anh R không biết số tiền trên do T phạm tội mà có. Hiện số tiền trên anh R đã chi tiêu cá nhân hết nên Cơ quan điều tra không thu hồi được. Số tiền còn lại T khai để tiêu xài cá nhân và đánh bạc hết ở tỉnh Lạng Sơn. Tuy nhiên T không nhớ địa điểm cụ thể, không biết những người cùng tham gia đánh bạc là ai nên Cơ quan điều tra không có cơ sở điều tra, xử lý trong vụ án này.

Quá trình điều tra, xác minh tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cao Lộc, Viện kiểm sát nhân dân và Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xác định quá trình điều tra, truy tố, xét xử đối với Đào Văn H được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, không bị tổ chức, cá nhân nào tác động bằng tiền hay lợi ích gì trong các giai đoạn tố tụng.

Về vật chứng của vụ án gồm có:

- 03 giấy biên nhận tiền của T viết, 01 USB màu trắng bạc nhãn hiệu SONY - VAIO do chị Trần Thị Q giao nộp là tài liệu chứng minh tội phạm Cơ quan điều tra chuyển theo hồ sơ vụ án.

- Số tiền 670.000đ; 01 điện thoại di động màu xanh đen, trên thân có chữ Masstel, mode A112, số IMEI 1: 358246092020384, số IMEI 2: 358246092020392, bên trong có 02 thẻ sim số 0962.944.943 và 0866.645.506 và 01 điện thoại di động trên thân có chữ SAMSUNG màu vàng, số IMEI: 352700074895516/01. Quá trình điều tra xác định là tài sản của T không liên quan đến hành vi phạm tội.

Đối với chiếc điện thoại di động gắn sim số 0975.343.433 và 01 sim Viettel T không nhớ số là công cụ, phương tiện T dùng vào việc phạm tội, quá trình điều tra T khai nhận đã làm mất, Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Tại bản Cáo trạng số 53/CT-VKS-LT ngày 03/9/2020, Viện kiểm sát nhân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc truy tố Hà Văn T về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo điểm a Khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố đối với Hà Văn T như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Hà Văn T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; xử phạt Hà Văn T từ 08 năm đến 09 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 09/3/2020; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; buộc bị cáo T phải bồi thường cho người bị hại số tiền là 400.000.000đ và xử lý vật chứng của vụ án theo quy định của pháp luật.

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như luận tội của đại diện Viện kiểm sát và không có ý kiến tranh luận.

Người bị hại là chị Trần Thị Q đề nghị Hội đồng xét xử, xử lý nghiêm đối với bị cáo và yêu cầu bị cáo T phải bồi thường cho chị số tiền 400.000.000đ.

Bị cáo nói lời sau cùng: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất và nhất trí bồi thường cho chị Q số tiền nêu trên

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Tại phiên toà, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố

tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Hà Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân huyện Lập Thạch đã truy tố. Xét thấy, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở để xác định: Trong khoảng thời gian từ ngày 28/10/2018 đến ngày 28/12/2018, tại Thôn M, xã Q, huyện L, tỉnh V, Hà Văn T đã 04 lần chiếm đoạt tiền của gia đình chị Trần Thị Q với tổng số tiền là 400.000.000đ, bằng hình thức hứa xin án treo cho anh Đào Văn H là chồng của chị Q mặc dù T không có khả năng đó. Sau đó, T đã sử dụng số tiền nêu trên để trả nợ và tiêu xài cá nhân hết.

Hành vi nêu trên của bị cáo Hà Văn T đã phạm vào tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Nội dung điều luật quy định như sau:

"3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a. Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng...".

Xét tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng và hành vi phạm tội của bị cáo Hà Văn T là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây dư luận bất bình trong nhân dân. Bị cáo là người có khả năng nhận thức pháp luật và biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Ngay từ ban đầu, với mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác để trả nợ và chi tiêu sinh hoạt cá nhân, bị cáo đã dùng lời nói của mình cung cấp thông tin không đúng sự thật là có khả năng làm cho anh H được hưởng án treo, nhằm đánh lừa chị Q (vợ của anh H), làm cho chị Q tin tưởng và đưa tiền cho bị cáo tổng cộng 400.000.000đ. Sau đó, bị cáo đã sử dụng toàn bộ số tiền nêu trên phục vụ mục đích cá nhân. Vì vậy, cần phải có hình thức xử lý bị cáo trước pháp luật thật nghiêm minh mới có tác dụng cải tạo, giáo dục riêng đối với bị cáo và răn đe, giáo dục, phòng ngừa tội phạm chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Trước khi phạm tội lần này, bị cáo Hà Văn T là người có nhân thân xấu, đã 02 lần vi phạm pháp luật bị các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý hình sự và xử phạt vi phạm hành chính. Mặc dù bị cáo đã chấp hành xong các quyết định, hình phạt và đến nay được tính là không có tiền án, tiền sự, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản

thân. Tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình, mẹ bị cáo được tặng bằng khen trong cuộc kháng chiến chống mỹ, Do vậy, bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, cần phải xử phạt bị cáo một mức án tù, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để bị cáo có đủ thời gian và điều kiện cải tạo bản thân trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự quy định: *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản".* Qua điều tra, xác minh thấy: Bị cáo Hà Văn T là lao động tự do, thu nhập thấp, việc phạm tội của bị cáo không đem đến nguồn lợi cho gia đình bị cáo; đồng thời, gia đình bị cáo không có tài sản gì có giá trị lớn. Vì vậy, không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

Tại phiên tòa, người bị hại là chị Trần Thị Q yêu cầu bị cáo T phải bồi thường cho chị số tiền 400.000.000đ. Bị cáo nhất trí bồi thường cho chị Q số tiền nêu trên. Vì vậy cần buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Q 400.000.000đ.

Đối với 03 giấy biên nhận tiền của T viết, 01 USB màu trắng bạc nhãn hiệu SONY - VAIO do chị Trần Thị Q giao nộp là tài liệu chứng minh tội phạm, nên cần lưu trữ trong hồ sơ vụ án.

Đối với số tiền 670.000đ; 01 điện thoại di động màu xanh đen, trên thân có chữ Masstel, mode A112, số IMEI 1: 358246092020384, số IMEI 2: 358246092020392, bên trong có 02 thẻ sim số 0962.944.943 và 0866.645.506 và 01 điện thoại di động trên thân có chữ SAMSUNG màu vàng, số IMEI: 352700074895516/01, là tài sản hợp pháp của bị cáo T không liên quan đến hành vi phạm tội, nên trả lại cho bị cáo, nhưng cần tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

[6] Đối với Đặng Đình Th là người giới thiệu T cho gia đình chị Q, quá trình điều tra Th khai nhận không biết động cơ, mục đích phạm tội của T, không được hưởng lợi ích vật chất gì của T. Bản thân T khai nhận trước, trong và sau khi chiếm đoạt tài sản của gia đình chị Q, T không bàn bạc, trao đổi gì với Th nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với Th trong vụ án này là đúng quy định của pháp luật.

Đối với người nam giới lái xe taxi đi cùng T đến nhà bà G vào ngày 28/12/2018, quá trình điều tra T khai không biết tên tuổi, địa chỉ của người này, không bàn bạc trao đổi gì với nam giới này về việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản của gia đình chị Q nên Cơ quan điều tra không xác minh, làm rõ được.

Đối với chị Trần Thị Q có hành vi đưa 400.000.000đ cho Hà Văn T để xin án treo cho anh Đào Văn H. Tuy nhiên, T đã lợi dụng và đưa ra thông tin không đúng sự thật để chị Q tin tưởng nhằm chiếm đoạt số tiền trên của chị Q nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với chị Q là phù hợp.

[7] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa, vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự xử vắng mặt.

[8] Về án phí: Bị cáo Hà Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong vụ án hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm a Khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Hà Văn T phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

Xử phạt: Bị cáo Hà Văn T 08 (tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để tạm giam (ngày 09/3/2020).

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

Buộc bị cáo Hà Văn T phải bồi thường cho chị Trần Thị Q số tiền là 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng).

Kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật và chị Trần Thị Q có đơn đề nghị thi hành án, nếu bị cáo Hà Văn T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản tiền bồi thường nêu trên, thì bị cáo Hà Văn T còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Lưu trữ trong hồ sơ vụ án 03 giấy biên nhận tiền và 01 chiếc USB màu trắng bạc nhãn hiệu SONY - VAIO.

Trả lại cho bị cáo Hà Văn T số tiền 670.000đ; 01 chiếc điện thoại di động màu xanh đen nhãn hiệu Masstel, bên trong có 02 thẻ sim số 0962.944.943, 0866.645.506 và 01 chiếc điện thoại di động màu vàng nhãn hiệu SAMSUNG, nhưng tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án (có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/9/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lập Thạch và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Thạch).

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Hà Văn Thủy phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 20.000.000đ án phí dân sự trong vụ án hình sự.

Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (vắng mặt) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú cuối cùng của người vắng mặt.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Vĩnh Phúc;*
- *VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;*
- *Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;*
- *Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc;*
- *VKSND huyện Lập Thạch;*
- *Công an huyện Lập Thạch;*
- *Chi Cục THADS huyện Lập Thạch;*
- *Người tham gia tố tụng;*
- *Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(đã ký)

Trần Văn Sơn